

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I - LỚP 11

NĂM HỌC 2023-2024

MÔN: NGỮ VĂN

A. CÁC CẤP ĐỘ KIẾN THỨC

1. TRUYỆN NGẮN VÀ TIỂU THUYẾT HIỆN ĐẠI

Nhận biết:

- Nhận biết được đề tài, câu chuyện, sự kiện, chi tiết tiêu biểu, không gian, thời gian, nhân vật trong truyện ngắn/ tiểu thuyết hiện đại.
- Nhận biết được người kể chuyện (ngôi thứ ba hoặc ngôi thứ nhất), lời người kể chuyện, lời nhân vật trong truyện ngắn/ tiểu thuyết hiện đại.
- Nhận biết được điểm nhìn, sự thay đổi điểm nhìn; sự nối kết giữa lời người kể chuyện và lời của nhân vật.
- Nhận biết một số đặc điểm của ngôn ngữ văn học trong truyện ngắn/ tiểu thuyết hiện đại.

Thông hiểu:

- Tóm tắt được cốt truyện của truyện ngắn/ tiểu thuyết hiện đại.
- Phân tích, lí giải được mối quan hệ của các sự việc, chi tiết trong tính chỉnh thể của tác phẩm.
- Phân tích được đặc điểm, vị trí, vai trò của nhân vật trong truyện ngắn/ tiểu thuyết hiện đại; lí giải được ý nghĩa của nhân vật.
- Nêu được chủ đề (chủ đề chính và chủ đề phụ trong văn bản nhiều chủ đề) của tác phẩm.
- Phân tích và lí giải được thái độ và tư tưởng của tác giả thể hiện trong văn bản.
- Phát hiện và lí giải được các giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh của tác phẩm.

Vận dụng:

- Nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản tới quan niệm, cách nhìn của cá nhân với văn học và cuộc sống.
- Thể hiện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với các vấn đề đặt ra từ văn bản.

Vận dụng cao:

- Vận dụng kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống, hiểu biết về lịch sử văn học để nhận xét, đánh giá ý nghĩa, giá trị của tác phẩm.
- So sánh được hai văn bản văn học cùng đề tài ở các giai đoạn khác nhau; liên tưởng, mở rộng vấn đề để hiểu sâu hơn với tác phẩm.

2. THƠ

Nhận biết:

- Nhận biết được chi tiết tiêu biểu, đề tài, nhân vật trữ tình trong bài thơ.
- Nhận biết được cấu tứ, vần, nhịp, những dấu hiệu thể loại của bài thơ.
- Nhận biết được yếu tố tượng trưng (nếu có) trong bài thơ.
- Nhận biết được những biểu hiện của tình cảm, cảm xúc trong bài thơ.

- Nhận biết đặc điểm của ngôn từ nghệ thuật trong thơ.

Thông hiểu:

- Hiểu và lí giải được ý nghĩa giá trị thẩm mỹ của ngôn từ, cấu tứ, hình thức bài thơ.
- Phân tích, lí giải được vai trò của yếu tố tượng trưng trong bài thơ (nếu có).
- Xác định được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của bài thơ.
- Lí giải được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua bài thơ.
- Phát hiện và lí giải được các giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh của bài thơ.
- Phân tích được tính đa nghĩa của ngôn từ trong bài thơ.

Vận dụng:

- Nêu được ý nghĩa hay tác động của bài thơ đối với quan niệm, cách nhìn của cá nhân về những vấn đề văn học hoặc cuộc sống.
- Thể hiện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với các vấn đề đặt ra từ bài thơ.

Vận dụng cao:

- Đánh giá được giá trị thẩm mỹ của một số yếu tố trong thơ như ngôn từ, cấu tứ, hình thức bài thơ.
- Đánh giá được ý nghĩa, tác dụng của yếu tố tượng trưng (nếu có) trong bài thơ.
- So sánh được hai văn bản thơ cùng đề tài ở các giai đoạn khác nhau.
- Mở rộng liên tưởng về vấn đề đặt ra trong bài thơ để hiểu sâu hơn bài thơ.

3. Một số tác dụng/hiệu quả một số BPTT

*** Biện pháp tu từ từ vựng**

- **So sánh:** Giúp sự vật, sự việc được miêu tả sinh động, cụ thể tác động đến trí tưởng tượng, gợi hình dung và cảm xúc
- **Ẩn dụ:** Cách diễn đạt mang tính hàm súc, cô đọng, giá trị biểu đạt cao, gợi những liên tưởng ý nhị, sâu sắc.
- **Nhân hóa:** Làm cho đối tượng hiện ra sinh động, gần gũi, có tâm trạng và có hồn gần với con người
- **Hoán dụ:** Diễn tả sinh động nội dung thông báo và gợi những liên tưởng ý vị, sâu sắc
- **Điệp từ/ngữ/cấu trúc:** Nhấn mạnh, tô đậm ấn tượng – tăng giá trị biểu cảm, tạo âm hưởng nhịp điệu cho câu văn, câu thơ.
- **Nói giảm:** Làm giảm nhẹ đi ý muốn nói (đau thương, mất mát) nhằm thể hiện sự trân trọng
- **Thậm xưng:** Tô đậm, phóng đại về đối tượng.
- **Câu hỏi tu từ:** Bộc lộ, xoáy sâu cảm xúc (có thể là những băn khoăn, ý khẳng định...)
- **Đôi:** Tạo sự cân đối, đăng đối hài hòa cho sự diễn đạt, nhằm thể hiện ý nghĩa nào đó.
- **Đảo ngữ:** Nhấn mạnh, gây ấn tượng sâu đậm về phần được đảo lên.

* **Biện pháp tu từ cú pháp:**

- Phép lặp cú pháp: Lặp cú pháp là tạo ra những câu hoặc những đoạn câu có chung một kiểu cấu tạo cú pháp, làm cho câu văn có tính chất cân đối, với dụng ý tác động về nhận thức hoặc về tình cảm.
- Phép liệt kê: Liệt kê là cách sắp xếp nối tiếp những đơn vị cú pháp đồng loại (nhưng khác nhau về từ ngữ) nhằm tạo ra những ý nghĩa bổ sung về mặt nhận thức hoặc thể hiện cách đánh giá, cảm xúc chủ quan về các sự vật được đưa ra.
- Phép chêm xen: Chêm xen là cách đưa thêm từ ngữ (có khi là một tổ hợp từ có dạng một câu trọn vẹn) vào câu, nhưng không thiết lập quan hệ ngữ pháp với phần câu chứa chúng, nhằm chi tiết hóa sự việc, làm cho lời văn linh hoạt, nêu nhận xét của người thuật chuyện, bổ sung những tin mang những mục đích rất khác nhau.

II/ KĨ NĂNG

II.1/ KĨ NĂNG LÀM ĐỌC HIỂU

Yêu cầu: Nắm chắc kiến thức ngữ văn để vận dụng đọc hiểu được văn bản truyện và văn bản thơ theo đúng đặc trưng thể loại

1/ Nhận diện được các cấp độ kiến thức: nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng thấp

2/ Trả lời ngắn gọn, trọng tâm các câu hỏi trắc nghiệm; tự luận (câu 1 đến câu 10)

II.2/ KĨ NĂNG TẠO LẬP VĂN BẢN

1. Đánh giá phân tích một tác phẩm truyện

1.1 Yêu cầu:

Xác định rõ yêu cầu nghị luận mà đề văn đã nêu:

- Đọc lại văn bản truyện được nêu trong đề.
- Xác định vấn đề cụ thể (nội dung, hình thức) mà bài viết sẽ phân tích, đánh giá
- Suy nghĩ và thực hiện theo các bước viết bài văn nghị luận văn học.

1.2 Cấu trúc

Mở bài: giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm, hoàn cảnh sáng tác, thể loại, vấn đề tâm đắc để viết bài nghị luận.

Thân bài:

- Tóm tắt, nêu ngắn gọn câu chuyện, cốt truyện.
- Tập trung phân tích hoặc trình bày suy nghĩ về những điểm chính trên phương diện nội dung, nghệ thuật: tình huống truyện, điểm nhìn, lời kể, giọng điệu, ngôn ngữ, cách khám phá nhân vật...

***Lưu ý:** nên viết đúng trọng tâm, ngắn gọn, súc tích và lựa chọn câu chữ phù hợp. Có thể kết hợp các kiểu liên kết văn bản, biện pháp tu từ để giúp bài nghị luận được điểm cao.

Kết bài: Nêu ra quan điểm và ý nghĩa tác phẩm, những bài học hay giá trị mà tác phẩm mang lại cho người đọc.

2. Đánh giá phân tích một tác phẩm thơ , một tác phẩm truyện thơ

2.1. Yêu cầu:

a. Tự sự trong truyện thơ dân gian và trong thơ trữ tình

- Nhận biết, phân tích và đánh giá được một số yếu tố về nội dung (đề tài, chủ đề chính và chủ đề phụ, tư tưởng, các giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh,...) và hình thức (cốt truyện, sự kiện, nhân vật, chi tiết quan trọng, không gian, thời gian, người kể chuyện toàn tri, sự thay đổi điểm nhìn) của các văn bản truyện; Nêu được ý nghĩa, tác động của văn bản văn học trong việc làm thay đổi suy nghĩ, tình cảm, cách nhìn và b. Viết bài nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ là nêu lên và làm rõ ý kiến của người viết về cấu tứ, hình ảnh thơ

- Phân tích là chỉ ra và làm rõ từng phương diện cụ thể hoặc đi sâu tìm hiểu từng vấn đề, khía cạnh của tác phẩm thơ,
- Đánh giá là nêu nhận xét của người viết về những điều đã được phân tích. Khi đánh giá, có thể nêu cả các hạn chế cũng như những điều tâm đắc, những phát hiện riêng của bản thân về tác phẩm thơ, Phân tích và đánh giá thường kết hợp với nhau,...

2.2. Cấu trúc

- *Mở bài*: Giới thiệu ngắn gọn về bài thơ, tác giả, điều mình ấn tượng tâm đắc: cấu tứ, hình ảnh...

- *Thân bài*:

+ Mạch ý tưởng cảm xúc, sự phát triển của các hình tượng chính, nét hấp dẫn riêng của bài thơ

+ Đặc sắc cấu tứ: cách triển khai tứ thơ, kết câu...

+ Hình ảnh thơ, tính tượng trưng....

- *Kết bài*: Khẳng định giá trị tư tưởng và thẩm mỹ của bài thơ, những suy nghĩ ấn tượng của người viết.

B CẤU TRÚC ĐỀ KIỂM TRA: Trắc nghiệm; tự luận

I/ ĐỌC-HIỂU (6,0 điểm)

Ngữ liệu

- Các văn bản/ đoạn trích thuộc thể loại truyện (truyện ngắn), thơ trữ tình .

Các cấp độ kiến thức, cấu trúc đề

gồm 2 phần: Đọc hiểu và Viết

+ Đọc hiểu (6.0 điểm): Kiểm tra theo hình thức: Trắc nghiệm +Tự luận gồm 10 câu hỏi/yêu cầu: Nhận biết (3 câu TN; 1 câu TL:), thông hiểu (2 câu TN; 2 câu TL), vận dụng (1 câu TL:), vận dụng cao (1 câu TL)

+ Viết (4 điểm): Kiểm tra theo hình thức tự luận gồm 1 câu hỏi/yêu cầu: Nhận biết (1 điểm), thông hiểu (1.5 điểm), vận dụng (1 điểm), vận dụng cao (0.5 điểm)

II. VIẾT-TẠO LẬP VĂN BẢN (4,0 điểm)

Ôn tập và luyện kĩ năng viết bài văn nghị luận đối với 2 kiểu bài sau:

1. Viết bài NLXH về một vấn đề đặt ra trong tác phẩm văn học

Viết bài văn nghị luận xã hội về hiện tượng đời sống hoặc tư tưởng đạo lí.

2. Viết một bài luận văn nghị luận phân tích, đánh giá tác phẩm: thơ (Cấu tứ, hình ảnh), truyện (nghệ thuật, chủ đề).

* ĐỀ MINH HOẠ

ĐỀ 1.

I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau:

(Lược dẫn: Con Mực là con chó có nhiều tật xấu. Người ta đã định giết thịt nó, nhưng vì nhiều lí do nên ngày xửa con Mực liên tục bị hoãn lại. Cuối cùng, người ta quyết định sẽ giết con Mực để mừng người con trai tên Du xa nhà nhiều năm nay mới trở về).

Bữa ăn xong, con Hoa cầm bát cơm ra: một tay nó xách cái thúng như để rồi xếp bát. Thấy được ăn, tất cả thú tính của con Mực hoàn toàn nổi dậy. Nó nhảy tới vẩy đuôi héch mồm nhìn và đợi. Cơm vừa đổ xuống nó vội vàng chúi mồm ăn ngay. Miếng chưa qua cổ thì cái thúng đã chụp quanh trên mình. Nó rít lên, vùng mạnh; nhưng Hoa đã tì cả người lên cái thúng rồi, và con Mực bị thu gọn ở trong vừa vắn đến nỗi không còn giẫy và kêu được. Lũ trẻ con réo âm lên. Người ta lấy sẵn dao thót và dây để trói. Phần mở thúng đã đành phải về Du: ông chủ đi vắng, cả nhà chỉ có chàng là đàn ông, mà không lẽ đi mượn hàng xóm trói giùm một con chó đã úp gọn gàng chỉ việc hơi hé cạp thúng lên, hễ chó thò đầu ra thì một đứa em đặt gậy lên cổ nó để chân chàng dận xuống. Nhưng tay chàng thấy run run. Và khi con chó vừa thò đầu ra thì nó quẫy luôn một cái mạnh, vùng ra được. Con Hoa tùm tùm cười. Lũ em ngo ngác nhìn theo con chó vừa ửng ửng vừa chạy ở ngoài vườn. Còn Du thì mặt đỏ như gấc chín. Chàng thấy mình yếu tay hơn cả con Hoa. Có lẽ nào chàng lại dịu lòng hơn cả một người con gái. Và tự nhiên chàng giận con Mực. Người ta còn lo con Mực sợ hãi mà đi mất. Quả nhiên suốt ngày hôm ấy nó không về. Nó vẫn vờ vườn hàng xóm, lẩn lút như một con chó trước khi hóa dại.

Người ta tưởng đã mất toi. Nhưng tối hôm ấy nó lẩn vào gầm giường rồi Du lại nghe thấy cái thứ tiếng gà gáy của nó rít lên ở phía ngõ.

Sáng hôm sau nó vẫn bỏ cơm. Trưa cũng thế. Và cứ thấy bóng người lại cúp đuôi chạy mất. Du thương hại sai người đem cơm đổ ra vườn. Một lúc sau Mực lại gằn. Nó trông trước trông sau, đưa mồm rê trên những hạt cơm rồi vô cơ giật mình chạy thẳng. Có lẽ cái kỷ niệm khủng khiếp vừa lóe ra và đập mạnh vào thần kinh nó như luồng điện. Du thấy bồn chồn và vẫn vờ: thương, hối hận hay là thẹn.

Sau cùng thì chàng bực mình: chàng nhận ra rằng một con chó đã làm mất sự bình tĩnh của tâm hồn chàng. Và đột nhiên chàng muốn giết con Mực lắm. Chàng muốn có đủ can đảm để giết người. Phải dám giết mà không run tay khi cần phải giết. Còn làm được trò gì nữa nếu chỉ giết một con chó mà tim cũng đập?

Sự do dự đã hết rồi. Khi có một ý định thì ý định ấy chóng thành mạnh mẽ. Du thấy lòng cứng cõi. Đã có lúc chàng tưởng đến cái thú dí con dao vào súc thịt giẫy lên

đành đạch để máu ấm phọt vào tay. Và chiều hôm ấy khi thấy con chó ở vườn thì chàng gần như mừng rỡ. Con vật khôn nạn đói và sợ đã mệt lử đi rồi. Nó hiện ngủ bên bờ giậu. Du cầm cái gậy to rón rén lại gần. Nhưng giờ gậy lên chàng bỗng thấy tim run một cái. Chàng tưởng như ngạt thở và ngừng lại một giây để nhìn con chó. Giác ngủ của nó có lẽ đây ác mộng vì thỉnh thoảng khắp mình nó lại giật lên. Du thấy lòng quả quyết tiêu tán hết. Nhưng con chó bỗng giật mình. Du hoảng hốt thẳng cánh vụt mạnh trên mình nó, bụng nó thót hẳn vào rồi lại phình ra như một khối cao su. Nó rống lên gượng dậy loạng choạng mấy vòng rồi chui bừa qua giậu trong khi Du vụt cuống cuồng theo xuống đất... Đêm đã khuya. Du lại nghe tiếng Mực rống lên. Chàng thấy toát mồ hôi và nhất định không giết con chó nữa.

Nhưng trời gần sáng chàng còn đương mơ mộng, thì đã nghe tiếng Hoa gọi cuống cuồng lên. Con vật khôn nạn không biết mỗi một thế nào mà ngủ quên đi ngay ở giữa sân để đến nỗi bị Hoa úp được. Lần này thì người ta cẩn thận hơn. Hai ba người nắm vào hai đầu gậy tre gác sẵn bên cạnh thúng rồi Hoa mới hơi hé miệng thúng lên. Thấy sáng con Mực nhô ra ngoài cái mõm ướt phì phì. Hoa nhích lên tí nữa nhưng một cái gói đã tì sẵn trên thúng. Mực lách cả cái đầu ra. Cái gậy đè mạnh xuống. Con vật khôn nạn không còn kịp kêu.

- Đè chặt, thật chặt, đừng buông nó ra nó cắn đấy!

Du kêu lên như thế nhưng tiếng chàng đã hơi run run. Con chó phì một cái nữa: hơi thở mới thoát ra một nửa bị tắc. Cái gậy đè sát đất, mắt nó trợn lên. Lòng đen won ướt cứ dờ dãn rồi ngược lên lần một nửa vào mí trên. Lòng trắng đã hơi đục. Lúc Hoa trói xong cả chân trước, chân sau và buộc mõm rồi thì con chó đã mềm ra không còn cựa quậy nữa.

Du nghẹn ngào nén khóc...

(Trích *Cái chết của con Mực*, Tuyển tập Nam Cao, Nxb Văn học)

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1. Truyện ngắn trên sử dụng người kể chuyện ở ngôi thứ mấy? (0,5 điểm)

- A. Ngôi thứ ba
- B. Ngôi thứ hai
- C. Ngôi thứ nhất
- D. Ngôi thứ nhất và thứ ba

Câu 2. Đoạn trích trên chủ yếu được kể từ điểm nhìn của nhân vật nào?

- A. Điểm nhìn của nhân vật Hoa
- B. Điểm nhìn của nhân vật Du
- C. Điểm nhìn của người kể chuyện
- D. Cả B và C

Câu 3. Phát biểu nào sau đây nói đúng về đặc điểm của lời kể trong truyện? (0,5 điểm)

- A. Chỉ có lời nhân vật
- B. Chỉ có lời người kể chuyện
- C. Bao gồm cả lời người kể chuyện và lời nhân vật
- D. Bao gồm cả lời người kể chuyện, lời nhân vật và lời tác giả

Câu 4. Tình huống chính trong truyện ngắn trên là gì ? (0,5 điểm)

- A. Du trở về sau nhiều năm xa nhà
- B. Cái chết của con Mực
- C. Mọi người tìm cách giết con Mực
- D. Du không nỡ giết con Mực

Câu 5. Phát biểu nào sau đây nói lên nội dung tóm tắt của truyện? (0,5 điểm)

- A. Kể về quá trình giết chết con Mực và thái độ, tâm trạng của Du trước sự việc ấy
- B. Kể về việc Du trở về và người ta giết con Mực để ăn mừng
- C. Kể về việc Du không dám ra tay giết con Mực
- D. Kể về thái độ và tâm trạng của Du trước cái chết của con Mực

Câu 6. Qua quá trình tìm cách giết con Mực, bạn thấy nhân vật Du là một con người như thế nào? (0,5 điểm)

- A. Một con người tàn nhẫn
- B. Một con người có lòng trắc ẩn
- C. Một con người không có chính kiến
- D. Cả B và C

Câu 7. Qua cái chết của con Mực, Nam Cao muốn gửi gắm thông điệp gì? (0,5 điểm)

- A. Không nên hành động theo đám đông mà hãy hành động theo lương tri
- B. Không nên đối xử một cách tàn nhẫn với loài vật
- C. Trước mọi sự việc, con người cần có sự quyết đoán
- D. Con người cần biết tàn nhẫn thì mới có thể sống thanh thản

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện các yêu cầu:

Câu 8. Câu chuyện trên khiến bạn nhớ tới truyện ngắn nào của Nam Cao đã được học trong chương trình Ngữ Văn ở bậc THCS? (0,5 điểm)

Câu 9. Bạn rút ra được bài học gì cho bản thân sau khi đọc truyện ngắn trên? (1,0 điểm)

Câu 10. Từ truyện ngắn trên, bạn suy nghĩ gì về vai trò của tình yêu thương trong cuộc sống? (Viết khoảng 5 – 7 dòng) (1,0 điểm)

II. LÀM VĂN (4,0 điểm)

Bạn hãy viết một bài văn nghị luận phân tích, đánh giá chủ đề và những nét đặc sắc trong nghệ thuật xây dựng tình huống của Nam Cao ở truyện ngắn trên.

ĐỀ 2

Đọc bài thơ sau:

ÁO TRẮNG

*Áo trắng đơn sơ, mộng trắng trong,
Hôm xưa em đến, mắt như lòng
Nở bừng ánh sáng. Em đi đến,
Gót ngọc dồn hương, bước toả hồng.*

*Em đẹp bàn tay ngón ngón thon;
Em duyên đôi má nắng hoe tròn.
Em lùa gió biếc vào trong tóc
Thổi lại phòng anh cả núi non.*

*Em nói, anh nghe tiếng lẫn lời;
Hồn em anh thở ở trong hơi.
Nắng thơ dẹt sáng trên tà áo,
Lá nhỏ mừng vui phát cửa ngoài.*

*Đôi lứa thân tiên suốt một ngày.
Em ban hạnh phúc chứa đầy tay.
Dịu dàng áo trắng trong như suối
Toả phát đôi hồn cánh mộng bay.*

(Huy Cận)

Chú thích:

1. Huy Cận (1919 – 2005) tên khai sinh là Cù Huy Cận, quê ở Hà Tĩnh. Huy Cận yêu thích thơ ca Việt Nam, thơ Đường và chịu nhiều ảnh hưởng của văn học Pháp. Thơ Huy Cận hàm súc, giàu chất suy tưởng, triết lí. Ông là một trong những gương mặt tiêu biểu của thơ ca Việt Nam hiện đại và đã được Nhà nước tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật (1996).

2. *Áo trắng* là bài thơ tiêu biểu của Huy Cận, in trong tập **Lửa thiêng**, NXB Đời nay, Hà Nội, 1940.

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1. Chỉ ra phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong bài thơ?

A. Tự sự

- B. Biểu cảm
- C. Nghị luận
- D. Thuyết minh

Câu 2. Bài thơ trên được viết theo thể thơ nào?

- A. Bảy chữ
- B. Lục bát
- C. Song thất lục bát
- D. Tự do

Câu 3. Chủ thể trữ tình trong bài thơ là ai?

- A. Nhân vật “anh”
- B. Nhân vật “em”
- C. Tác giả
- D. Chủ thể ẩn

Câu 4. Xác định hình ảnh trung tâm của bài thơ?

- A. Hình ảnh áo trắng
- B. Hình ảnh cô gái
- C. Hình ảnh bàn tay
- D. Hình ảnh mái tóc

Câu 5. Nêu hiệu quả của phép điệp trong khổ thơ thứ 2 của bài thơ?

- A. Tăng sức gợi hình, khắc họa vẻ đẹp nên thơ của khung cảnh thiên nhiên.
- B. Tạo giọng điệu khắc khoải, bộc lộ tâm trạng giận hờn, trách móc của “anh”
- C. Tạo nhịp điệu, nhấn mạnh vẻ đẹp trong trẻo, trẻ trung của người con gái.
- D. Tạo sự sinh động, khẳng định tình yêu mãnh liệt, nồng nàn của người con gái.

Câu 6. Phát biểu nào sau đây nói về vẻ đẹp của cô gái trong bài thơ?

- A. Vẻ đẹp rực rỡ, tươi vui
- B. Vẻ đẹp đoan trang, thùy mị
- C. Vẻ đẹp tinh khôi, thánh thiện
- D. Vẻ đẹp đằm thắm, dịu dàng

Câu 7. Dòng nào nói đúng về tâm trạng của chủ thể trữ tình trong bài thơ?

- A. Tâm trạng ngỡ ngàng khi gặp người yêu.
- B. Tâm trạng nhớ nhung khi xa người yêu.
- C. Tâm trạng bối rối khi gặp người yêu.
- D. Tâm trạng hạnh phúc khi người yêu đến.

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện các yêu cầu:

Câu 8. Chỉ ra ý nghĩa biểu tượng của hình ảnh “áo trắng” trong bài thơ?

Câu 9. Nhận xét về tình cảm của nhân vật trữ tình với người con gái được thể hiện trong bài thơ?

Câu 10. Từ bài thơ, anh/ chị có suy nghĩ gì về ý nghĩa của tình yêu chân chính trong cuộc đời mỗi người (trả lời trong khoảng 5-7 dòng)?

II. VIẾT (5,0 điểm) Chọn 1 trong 2 đề sau:

Câu 1. Anh/chị hãy viết bài văn nghị luận phân tích, đánh giá chủ đề và những nét đặc sắc về cấu tứ, hình ảnh trong bài thơ “*Áo trắng*” (Huy Cận).

Câu 2. *Cuộc sống không phải để sợ, mà là để hiểu. Đây chính là lúc chúng ta cần phải tìm hiểu nhiều hơn về cuộc sống để làm vơi bớt mọi nỗi sợ hãi.*” (Marie Curie)

Anh/chị hãy viết bài văn nghị luận để trình bày suy nghĩ của bản thân về ý kiến trên.

Câu 3. Anh/chị hãy nêu suy nghĩ của mình về quan điểm: “Chính lúc ta cho đi nhiều nhất lại là lúc ta được nhận lại nhiều nhất.

----- Hết -----